

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS- ST
Ngày: 11 - 8 - 2023.
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ- TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy.

Bà Phạm Thị Minh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Loan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự lý số: 33/2023/TLST- DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Lại Thế Q, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: tổ x, khu y, phường Bạch Đ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: bà Bùi Thị Y, sinh năm 1981.

Nơi thường trú: khu phố z, phường c, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi tạm trú: tổ v, khu b, phường Bạch Đ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ n, khu m, phường Cẩm T, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, Nguyên đơn anh Lại Thế Q, có người đại diện theo ủy quyền là bà Bùi Thị Y trình bày:

Anh Q và chị Nguyễn Thị M có quan hệ quen biết do cả hai trước đây cùng làm Ngân hàng TMCP Nam Việt (hiện nay là ngân hàng TMCP Quốc Dân), vì tin

tưởng nhau nên chị M có hỏi vay tiền anh Q. Ngày 06/11/2012, anh Q có cho chị M vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay từ ngày 06/11/2012 đến ngày 15/8/2013. Lãi suất vay theo thỏa thuận, cụ thể: các bên có thỏa thuận ngoài với nhau lãi suất của số tiền 1.000.000.000 đồng là 15.000.000 đồng/tháng, tương ứng với 1,5%/tháng trên số tiền vay. Kể từ khi vay tiền chị M chưa thanh toán nợ lãi cho anh Q lần nào. Đến hạn trả nợ gốc, chị M cũng không thanh toán trả nợ gốc. Anh Q đã yêu cầu chị M trả nợ nhiều lần thì ngày 13/6/2014 chị M có trả cho anh Q số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), còn nợ lại số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng). Ngày 13/6/2014, chị M có cam kết đến cuối tháng 6/2014 sẽ trả cho anh Q 20.000.000 đồng và từ tháng 7/2014 trở đi, mỗi tháng sẽ trả cho anh Q 40.000.000 đồng trong vòng 20 tháng sẽ trả hết số tiền nợ gốc còn lại. Tuy nhiên, chị M đã không thực hiện theo cam kết, kể từ đó đến nay chị M không trả tiền nợ gốc cho anh Q. Anh Q đã nhiều lần yêu cầu chị M trả số tiền nợ gốc còn lại nhưng chị M không trả. Đến nay, anh Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc chị M phải thanh toán trả ngay cho anh Q tổng số tiền nợ là: 2.531.800.000 đồng (Hai tỷ năm trăm ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: nợ gốc là 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng), tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng tính từ tháng 11/2012 đến hết tháng 6 năm 2014 (19 tháng x 15.000.000/tháng) là 285.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng); số tiền nợ lãi của số tiền 820.000.000 đồng tính từ tháng 7 năm 2014 đến hết tháng 3 năm 2023 (116 tháng x 12.300.000 đồng/tháng) là 1.426.800.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), tổng cộng tiền lãi là: 285.000.000 đồng + 1.426.800.000 đồng = 1.711.800.000^d (Một tỷ bảy trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng); xin rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi với tổng số tiền là 1.711.800.000^d (Một tỷ bảy trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 04/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị và anh Q có quan hệ quen biết, tin tưởng nhau vì có thời gian làm cùng Ngân hàng TMCP Nam Việt (hiện nay là ngân hàng TMCP Quốc Dân) như anh Q trình bày là đúng. Ngày 06/11/2012, chị có vay của anh Q số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); lãi suất theo thỏa thuận; thời hạn vay từ ngày 06/11/2012 đến ngày 15/8/2013. Thỏa thuận lãi bên ngoài giữa các bên là 2.000 đồng/1.000.0000 đồng/ 1 ngày = 60.000.000 đồng/1 tháng. Khoản vay này do một mình chị vay để kinh doanh riêng, chồng chị không biết, không tham gia vào việc vay tiền này. Từ khi vay số tiền trên thì chị chưa trả được cho anh Q khoản nợ lãi nào. Đến tháng 6 năm 2014, chị đã trả được cho anh Q số tiền nợ gốc là

180.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền gốc là 820.000.000 đồng. Ngày 13/6/2014, chị và anh Q có viết giấy cam kết với nội dung đến cuối tháng 6/2014 chị sẽ trả cho anh Q số tiền 20.000.000 đồng và từ tháng 7/2014 trở đi, mỗi tháng sẽ trả 40.000.000 đồng trong vòng 20 tháng sẽ trả hết số tiền nợ gốc còn lại. Tuy nhiên, từ đó đến nay chị không trả được khoản tiền nợ gốc, nợ lãi nào cho anh Q. Anh Q cũng đã yêu cầu chị trả nợ nhiều lần nhưng chị không thanh toán được. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị đề nghị anh Q không tính nợ lãi đối với tiền nợ gốc trên. Đến nay, chị chỉ chấp nhận trả cho anh Q số tiền nợ gốc còn lại là 820.000.000 đồng. Phương thức trả nợ gốc như sau: chị sẽ trả cho anh Q theo từng kỳ hạn 03 tháng/lần, mỗi lần trả 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), bắt đầu từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi trả hết số nợ gốc 820.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, cụ thể:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX giải quyết: Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu kiện đòi số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng của nguyên đơn anh Lại Thế Q.

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn anh Lại Thế Q về việc buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M trả số tiền nợ lãi 1.711.800.000^d (Một tỷ bảy trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu kiện đòi tài sản:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên ngày 06/11/2012, anh Lại Thế Q (từ đây gọi là nguyên đơn) có cho chị Nguyễn Thị M (từ đây gọi là bị đơn) vay tiền. Hai bên có viết giấy vay tiền ngày 06/11/2012, với nội dung: nguyên

đơn cho bị đơn vay số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); lãi suất theo thỏa thuận; thời hạn vay từ ngày 06/11/2012 đến ngày 15/8/2013. Theo nguyên đơn trình bày, lãi suất của số tiền nợ gốc trên các bên thỏa thuận ngoài với nhau là 15.000.000 đồng/tháng, tương ứng với 1,5%/tháng. Theo bị đơn trình bày các bên thỏa thuận lãi suất ngoài với nhau là 2.000 đồng/1.000.0000 đồng/1 ngày = 60.000.000 đồng/1 tháng. Kể từ khi vay tiền đến nay, bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn khoản tiền nợ lãi nào. Đến thời hạn trả nợ gốc (ngày 15/8/2013) nhưng bị đơn không thanh toán trả nợ cho nguyên đơn theo đúng giấy vay tiền đã ký. Tháng 6 năm 2014, bị đơn đã thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), còn nợ lại số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng). Ngày 13/6/2014, các bên có viết giấy cam kết với nội dung: đến cuối tháng 6/2014, bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng và từ tháng 7/2014 trở đi, mỗi tháng bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng trong vòng 20 tháng sẽ trả hết số tiền nợ gốc còn lại. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện theo cam kết, từ đó đến nay bị đơn đã không thanh toán trả thêm được số tiền nào cho nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 820.000.000^d (Tám trăm hai mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng, nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả tiền nhiều lần nhưng bị đơn không trả. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đã đến hạn, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 280, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Lại Thế Q toàn bộ số tiền nợ gốc là: 820.000.000^d (Tám trăm hai mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại phiên tòa Nguyên đơn đã rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả lãi của số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng tính từ tháng 11/2012 đến hết tháng 6 năm 2014 (19 tháng x 15.000.000/tháng) là 285.000.000 đồng; số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc 820.000.000 đồng tính từ tháng 7 năm 2014 đến hết tháng 3 năm 2023 (116 tháng x 12.300.000 đồng/tháng) là 1.426.800.000 đồng, tổng cộng số tiền nợ lãi là 1.711.800.000^d (Một tỷ bảy trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng), nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn anh Lại Thế Q.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “kiện đòi tài sản” của nguyên đơn anh Lại Thế Q.

1. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Lại Thế Q toàn bộ số tiền nợ: 820.000.000^d (Tám trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lại Thế Q đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lại Thế Q về việc buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải trả số tiền lãi là 1.711.800.000^d (Một tỷ bảy trăm mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Bị đơn chị Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 36.600.000^d (Ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Lại Thế Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.981.000^d (Ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005285 ngày 02/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 - Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Đạt